

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: KẾ TOÁN

MÃ SỐ: 7340301

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHKT ngày/...../2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Kế toán
 - + Tiếng Anh: Accounting
- Mã số ngành đào tạo: 7340301
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân
- Ngôn ngữ đào tạo: tiếng Việt và tiếng Anh
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Kế toán
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Accounting
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Sau khi hoàn thành Chương trình đào tạo cử nhân Kế toán, người học sẽ có thể:

PO1. Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức lý thuyết và thực tế chuyên ngành để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán - kiểm toán, phân tích kinh doanh và các lĩnh vực có liên quan phù hợp với chuẩn mực, thông lệ quốc tế và bối cảnh thực tiễn.

PO2. Có tư duy phản biện và khả năng giao tiếp hiệu quả để phù hợp với môi trường làm việc chuyên nghiệp, trở thành công dân toàn cầu.

PO3: Khả năng giải quyết vấn đề, bao gồm năng lực tác nghiệp, năng lực số, phân tích và hoạch định, ra quyết định cũng như tổ chức thực hiện các hoạt động kế toán, kiểm toán, phân tích ở các doanh nghiệp, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tài chính và các tổ chức khác; có khả năng nghiên cứu và trợ giảng tại các cơ sở nghiên cứu, các cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng

PO4: Làm việc độc lập, làm việc nhóm để tổ chức và quản lý hoạt động chuyên môn kế toán - kiểm toán, vận dụng kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa văn hóa.

P05. Đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; thái độ tích cực và ý thức phục vụ cộng đồng, có khả năng thích nghi và phát triển sự nghiệp trong những môi trường làm việc khác nhau ở trong và ngoài nước

Đặc biệt, các định hướng phân theo chuyên ngành của chương trình sẽ tạo cho sinh viên có kiến thức chuyên sâu gắn với các định hướng nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán, phân tích kinh doanh dựa trên kiến thức nền tảng về kế toán. Chương trình cũng hướng tới mục tiêu đào tạo tích hợp đạt chuẩn quốc tế đối với sinh viên, trong đó đã thực hiện tích hợp các môn học thuộc chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế CFAB (ICAEW), FLP (CIMA-AICPA) vào chương trình đào tạo.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Thông tin tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, Đề án tuyển sinh được ĐHQGHN phê duyệt và hướng dẫn tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục & Đào tạo và ĐHQGHN.

3.2. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm căn cứ vào tình hình thực tế đào tạo của Trường và chỉ tiêu do ĐHQGHN phê duyệt.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Chuẩn đầu ra

Người học hoàn thành chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra như sau:

1. Chuẩn đầu ra kiến thức

PLO1. Vận dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong hoạt động kinh tế và kinh doanh.

PLO1.1 (I): Hiểu các kiến thức chung về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để nhận diện các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh tế và kinh doanh.

PLO1.2 (R,M): Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và công nghệ thông tin để phân tích các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh.

PLO2: Áp dụng các kiến thức theo nhóm ngành trong kinh tế và kinh doanh

PLO2.1 (I): Hiểu được các kiến thức kinh tế vi mô và vĩ mô để giải thích được các vấn đề của môi trường kinh doanh

PLO2.2 (R): Vận dụng kiến thức về toán kinh tế và thống kê kinh tế để tổng hợp thông tin và giải thích các hoạt động kinh tế và kinh doanh

PLO2.3 (R,M): Áp dụng kiến thức chức năng về tài chính, marketing, quản trị và phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh để phân tích các hoạt động kinh tế và kinh doanh

PLO3: Vận dụng kiến thức chuyên ngành tổng hợp để giải quyết các vấn đề về kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh

PLO3.1 (R,M): Vận dụng kiến thức chuyên ngành về lập kế hoạch, tổ chức, quản lý và giám sát hoạt động kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh của doanh nghiệp hoặc tổ chức.

PLO3.2 (R,M): Vận dụng kiến thức chuyên ngành về kế toán, kiểm toán, phân tích kinh doanh để đo lường và đánh giá hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức hoặc hỗ trợ việc ra quyết định của nhà quản trị.

Đối với chuyên ngành kế toán

PLO3.3_ AC (M): Vận dụng kiến thức chuyên ngành kế toán để lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính, báo cáo thuế và các báo cáo nội bộ cho mục đích quản trị và điều hành của doanh nghiệp.

Đối với chuyên ngành kiểm toán

PLO 3.3 _AU (M): Vận dụng kiến thức chuyên ngành kiểm toán, kiểm soát trong tổ chức và thực hiện kiểm toán, kiểm soát tại doanh nghiệp và tổ chức.

Đối với chuyên ngành Phân tích kinh doanh

PLO3.3_BA (M): Ứng dụng được kiến thức chuyên ngành về công nghệ thông tin và phân tích dữ liệu kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà quản trị và các bên liên quan khác ra quyết định, điều hành hoạt động phân tích dữ liệu tại doanh nghiệp hoặc tổ chức.

2. Chuẩn đầu ra kỹ năng

PLO4 (R, M): *Kỹ năng giao tiếp và tư duy phản biện:*

PLO4.1 (R) Có kỹ năng giao tiếp và tương tác hiệu quả trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh.

PLO 4.2 (R,M): Có tư duy phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong môi trường đa văn hóa

PLO5 (R, M): *Kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm:* Có kỹ năng dẫn dắt và hợp tác hiệu quả trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh.

PLO5.1 (R, M): *Kỹ năng lãnh đạo:* Có kỹ năng dẫn dắt và quản lý thời gian tổ chức các hoạt động kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh.

PLO5.2 (R, M): *Kỹ năng làm việc nhóm:* Có kỹ năng hợp tác và phối hợp hiệu quả trong hoạt động kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh.

3. Đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO6 (R,M): Đạo đức và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Áp dụng tư duy đạo đức và trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong các hoạt động kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh.

PLO 6.1(I): Tư duy đạo đức: Xác định các nguyên tắc đạo đức cơ bản trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh;

PLO 6.2 (R,M): Tính cộng đồng: Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao; có lối sống tích cực, có khả năng thích nghi với môi trường và có tinh thần cộng đồng.

PLO6.3 (R,M): Tự chủ, trách nhiệm: Có khả năng làm việc độc lập, bảo vệ được quan điểm cá nhân, tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với tập thể.

4. Những vị trí công tác sinh viên có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN hướng tới đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kế toán hướng tới chuẩn quốc tế. Vì thế, chương trình cử nhân Chương trình Kế toán được xây dựng nhằm đến kết quả của chương trình là sinh viên Chương trình Kế toán sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí công việc chuyên môn tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức kinh tế - xã hội khác. Với những kiến thức cơ bản và nâng cao về chuyên ngành được đào tạo, các sinh viên tốt nghiệp chương trình cử nhân ngành Kế toán của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN có thể đảm nhận được những vị trí công việc như sau:

Nhóm 1: Kế toán viên thực hiện các hoạt động kế toán riêng lẻ hoặc tổng hợp tại các doanh nghiệp, công ty chứng khoán, công ty tài chính, ngân hàng, quỹ đầu tư, các định chế tài chính, các cơ quan hành chính - đơn vị sự nghiệp ở trong và ngoài nước; có định hướng phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai.

Nhóm 2: Chuyên viên thuế, chuyên viên tài chính làm việc tại các doanh nghiệp, công ty chứng khoán, công ty tài chính, ngân hàng, quỹ đầu tư, các định chế tài chính, các cơ quan hành chính - đơn vị sự nghiệp ở trong và ngoài nước.

Nhóm 3: Kiểm toán viên, nhân viên phân tích tại các công ty kiểm toán hoặc các bộ phận kiểm toán nội bộ trong các đơn vị; cán bộ hành nghề dịch vụ kế toán.

Nhóm 4: Chuyên gia phân tích dữ liệu doanh nghiệp có thể làm kiểm soát, quản trị rủi ro, phân tích thị trường, khách hàng và tư vấn cho các tổ chức, doanh nghiệp;

Nhóm 5: Các chuyên viên, cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về kế toán - kiểm toán làm việc tại các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu hoặc các tổ chức khác; có định hướng phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai.

5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Với những kiến thức cơ bản và chuyên sâu được tích lũy từ trong quá trình học, sinh viên chương trình đào tạo cử nhân Chương trình Kế toán sau khi ra trường có khả năng tiếp tục tự đọc, tự tra cứu và tiếp cận đến hệ thống tài liệu văn bản, giáo trình, sách chuyên khảo, bài báo khoa học để nâng cao kiến thức chuyên sâu phục vụ cho vị trí công việc cụ thể mà mỗi sinh viên đảm nhận tại đơn vị được tuyển dụng.

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo có khả năng tiếp tục trau dồi thêm kỹ năng ở môi trường làm việc thông qua học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với các cán bộ đồng nghiệp, cán bộ quản lý và chuyên gia trong các lĩnh vực mà học viên theo đuổi.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành kế toán, kiểm toán hoặc tài chính - ngân hàng và các chuyên ngành liên quan.

B. Ma trận chuẩn đầu ra

Mã học phần	Học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
		Vận dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong hoạt động kinh tế và kinh doanh.	Áp dụng các kiến thức theo nhóm ngành trong kinh tế và kinh doanh	Vận dụng kiến thức chuyên ngành tổng hợp để giải quyết các vấn đề về kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh	Kỹ năng giao tiếp và tư duy phản biện	Kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm: Có kỹ năng dẫn dắt và hợp tác hiệu quả trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh	Đạo đức và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Áp dụng tư duy đạo đức và trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong các hoạt động kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh.
PHI1006	Triết học Mác-Lênin	1	1,2	1	1		1,2
PEC1008	Kinh tế chính trị Mac -Lênin	2	2				2
PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1,2				1,2
POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					2
HIS1001	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2				1,2	1,2
FLF1107	Tiếng Anh B1				2		
FLF1108	Tiếng Anh B2				3,4		
BSA2030	Kỹ năng hỗ trợ				2,3	2,3	
PES1001	Giáo dục thể chất						1
CME1001	Giáo dục quốc phòng - an ninh						1,2

Mã học phần	Học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
		Vận dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong hoạt động kinh tế và kinh doanh.	Áp dụng các kiến thức theo nhóm ngành trong kinh tế và kinh doanh	Vận dụng kiến thức chuyên ngành tổng hợp để giải quyết các vấn đề về kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh	Kỹ năng giao tiếp và tư duy phản biện	Kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm: Có kỹ năng dẫn dắt và hợp tác hiệu quả trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh	Đạo đức và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Áp dụng tư duy đạo đức và trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong các hoạt động kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh.
MAT1092	Toán cao cấp	1,2		1			
MAT1101	Xác suất và thống kê	1,2	1	1			
MAT1005	Toán kinh tế	2	1	1			
INT1004	Tin học cơ sở 2	2		1			
THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	1,2	2	1,2			2
INE1050	Kinh tế vi mô		1,2	1,2			
INE1051	Kinh tế vĩ mô		1,2	1,2			
BSA1053	Nguyên lý thống kê kinh tế		1,2	2			
INE1052	Kinh tế lượng	2		2,3			
BSA1054	<i>Kỹ năng làm việc theo nhóm</i>					3	2
BSA1056	<i>Giao tiếp trong kinh doanh</i>				3		

Mã học phần	Học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
		Vận dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong hoạt động kinh tế và kinh doanh.	Áp dụng các kiến thức theo nhóm ngành trong kinh tế và kinh doanh	Vận dụng kiến thức chuyên ngành tổng hợp để giải quyết các vấn đề về kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh	Kỹ năng giao tiếp và tư duy phản biện	Kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm: Có kỹ năng dẫn dắt và hợp tác hiệu quả trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh	Đạo đức và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Áp dụng tư duy đạo đức và trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong các hoạt động kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh.
UEB3002	<i>Nghệ thuật và nhân văn</i>	1			1		
UEB3003	<i>Tư duy sáng tạo</i>				2		
UEB3001	<i>Cảm thụ âm nhạc</i>	1			1		
BSA2002	Nguyên lý Marketing		2		2	2,3	2,3
BSA2004	Quản trị học			2	2,3	2,3	
BSA2001	Nguyên lý kế toán		2	2		2	2,3
<i>BSA2018</i>	Tài chính doanh nghiệp		2	2		2	2,3
BSA2001	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh		2,3			3	2
BSA4018	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh			2		3	3,4
INE2020	Kinh tế quốc tế	2,3		1,2		3	
FIB2001	Kinh tế tiền tệ ngân hàng	1,2	2,3			3	2
BSA3063	Luật doanh nghiệp	2	2	2			3

Mã học phần	Học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
		Vận dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong hoạt động kinh tế và kinh doanh.	Áp dụng các kiến thức theo nhóm ngành trong kinh tế và kinh doanh	Vận dụng kiến thức chuyên ngành tổng hợp để giải quyết các vấn đề về kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh	Kỹ năng giao tiếp và tư duy phản biện	Kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm: Có kỹ năng dẫn dắt và hợp tác hiệu quả trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh	Đạo đức và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Áp dụng tư duy đạo đức và trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong các hoạt động kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh.
FAA4001	Kế toán tài chính doanh nghiệp		3	2,3	3		2,3
FAA4002	Kế toán quản trị doanh nghiệp		3	2,3		3	3
FAA4003	Kiểm toán			2,3	2,3	2,3	2,3
BSA2016	Phân tích hoạt động kinh doanh			2,3	3	3	2,3
FAA4006	Tài chính và kế toán trong kinh doanh		2,3	2,3		2	2
BSA3008	Kế toán thuế		3	2,3		3	2
FIB3119	Kế toán công		2	2			2
FAA4011	Thực hành kế toán 1		2	2		2,3	2
FAA4008	Kế toán các ngành đặc thù		3	3			3
FIB3037	Kế toán ngân hàng thương mại		2	2			2

Mã học phần	Học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
		Vận dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong hoạt động kinh tế và kinh doanh.	Áp dụng các kiến thức theo nhóm ngành trong kinh tế và kinh doanh	Vận dụng kiến thức chuyên ngành tổng hợp để giải quyết các vấn đề về kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh	Kỹ năng giao tiếp và tư duy phản biện	Kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm: Có kỹ năng dẫn dắt và hợp tác hiệu quả trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh	Đạo đức và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Áp dụng tư duy đạo đức và trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong các hoạt động kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh.
FAA4013	Thực hành kế toán 2		3	2,3		3	3
FIB3021	Kiểm toán tài chính			3		3	3
FAA4004	Kiểm toán nội bộ			2,3	2,3	3	3
FIB3033	Thực hành kiểm toán tài chính			3	3	3	3
FAA4015	Kế toán điều tra			3	3		3
FIB3050	Kiểm toán dự án			3		3	3
FAA4016	Kiểm soát nội bộ			2,3	2,3		3
FAA4025	Mô hình kinh doanh			2	2,3		3
FAA4017	Phân tích doanh nghiệp	3		2,3			3
FAA4018	Trực quan hóa và phân tích dữ liệu	2,3		2,3			3
FAA4026	Phân tích dữ liệu và quản lý dự án		2,3	2,3		3	3
FAA4019	Phân tích dữ liệu trong kế toán	3	2,3	3			3

Mã học phần	Học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
		Vận dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong hoạt động kinh tế và kinh doanh.	Áp dụng các kiến thức theo nhóm ngành trong kinh tế và kinh doanh	Vận dụng kiến thức chuyên ngành tổng hợp để giải quyết các vấn đề về kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh	Kỹ năng giao tiếp và tư duy phản biện	Kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm: Có kỹ năng dẫn dắt và hợp tác hiệu quả trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh	Đạo đức và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Áp dụng tư duy đạo đức và trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong các hoạt động kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh.
FAA4020	Khai thác dữ liệu doanh nghiệp	3	2,3	3			3
FAA4009	Luật Vương quốc Anh		3				3
FAA4010	Thuế vương quốc Anh		3	3			3
BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực		3			2,3	
FAA4014	Kế toán môi trường			2			2,3
FIB3015	Phân tích tài chính		3	2,3			2
BSA3030	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu		2,3				3
FIB4058	Những vấn đề hiện tại của Kế toán	2		3		3	3
FIB2015	Thuế		2,3				3
FIB3009	Hệ thống thông tin kế toán		3	2,3		3	3

Mã học phần	Học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
		Vận dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong hoạt động kinh tế và kinh doanh.	Áp dụng các kiến thức theo nhóm ngành trong kinh tế và kinh doanh	Vận dụng kiến thức chuyên ngành tổng hợp để giải quyết các vấn đề về kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh	Kỹ năng giao tiếp và tư duy phản biện	Kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm: Có kỹ năng dẫn dắt và hợp tác hiệu quả trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh	Đạo đức và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Áp dụng tư duy đạo đức và trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong các hoạt động kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh.
FAA4007	Quản lý hiệu quả hoạt động	3				3	3
FAA4049	Kiến tập		2	2	2,3		4
FAA4052	Thực tập thực tế		3	2,3	3		4
FAA4160	Niên luận		3	3	3		4
FAA4050	Khóa luận tốt nghiệp		3,4	3,4	3		4

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ

•Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN: **26 tín chỉ**

(Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN và kỹ năng bổ trợ)

•Khối kiến thức chung theo lĩnh vực: **10 tín chỉ**

•Khối kiến thức chung theo khối ngành: **14 tín chỉ**

+ *Bắt buộc: 12 tín chỉ*

+ *Tự chọn: 2/8 tín chỉ*

•Khối kiến thức chung theo nhóm ngành: **17tín chỉ**

+ *Bắt buộc: 14 tín chỉ*

+ *Tự chọn: 3/12 tín chỉ*

•Khối kiến thức ngành: **63 tín chỉ**

+ *Bắt buộc: 18 tín chỉ*

+ *Tự chọn: 30/84 tín chỉ*

Trong đó:

+ *Học phần tự chọn chuyên ngành Kế toán: 18 tín chỉ*

+ *Học phần tự chọn chuyên ngành Kiểm toán: 18 tín chỉ*

+ *Học phần tự chọn chuyên ngành Phân tích kinh doanh: 18 tín chỉ*

+ *Học phần tự chọn bổ trợ: 12/30 tín chỉ*

+ *Kiến tập, Thực tập thực tế và Niên luận: 9 tín chỉ*

+ *Khóa luận/Học phần thay thế khóa luận: 6/12 tín chỉ*

Trong số 96 tín chỉ thuộc khối kiến thức khối ngành, nhóm ngành và ngành có 27 tín chỉ (tương ứng tỷ lệ 28,12%) bắt buộc và 30 tín chỉ tự chọn (tương ứng tỷ lệ 31,25%) học bằng Tiếng Anh.

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
I	Khối kiến thức chung (Không tính tín chỉ các học phần 10-12)		26				
1.	PHI1006	Triết học Mác - Lê nin Philosophy of marxism and Leninism	3	30	15	0	
2.	PHI1008	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin Political economics of marxism and leninism	2	20	10	0	PHI1006
3.	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2	20	10	0	
4.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	2	20	10	0	
5.	HIS1001	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam <i>History of Vietnamese communist party</i>	2	20	10	0	
6.	INT1004	Tin học cơ sở 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3	17	28	0	
7.	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương <i>Introduction to Government and Law</i>	2	23	7	0	
8.	FLF1107	Tiếng Anh B1 <i>English B1</i>	5	20	50	5	
9.	FLF1108	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	20	50	5	FLF1107
10.	BSA2030	Kỹ năng bổ trợ Soft skill	3	20	25	0	
11.		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
12.		Giáo dục quốc phòng - an ninh <i>National Defense Education</i>	8				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
II	Khối kiến thức chung theo lĩnh vực		10				
13.	FDE1092	Toán cao cấp <i>Advanced Mathematics</i>	4	42	18	0	
14.	FDE1101	Xác suất và thống kê <i>Probability and Statistics</i>	3	27	18	0	
15.	FDE1005	Toán kinh tế <i>Mathematics for Economists</i>	3	27	18	0	
III	Khối kiến thức theo khối ngành		14				
III.1	Bắt buộc		12				
16.	INE1050	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	30	15	0	
17.	INE1051	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	30	15	0	INE1050
18.	BSA1053	Nguyên lý thống kê kinh tế <i>Principles of Economic Statistics</i>	3	30	15	0	
19.	INE1052	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	3	24	21	0	INT1004 BSA1053 INE1051
III.2	Tự chọn		2/8				
20.	PEC1052	Lịch sử kinh tế Việt Nam <i>Vietnamese History</i>	2	20	10	0	
21.	UEB3001	Cảm thụ âm nhạc <i>Music Appreciation</i>	2	20	10	0	
22.	UEB3002	Nghệ thuật và Nhân văn <i>Arts and humanity</i>	2	20	10	0	
23.	UEB3003	Tư duy sáng tạo <i>Creative Thinking</i>	2	20	10	0	
IV.	Khối kiến thức chung theo nhóm ngành		17				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
IV.1	Bắt buộc		14				
24.	BSA2002	Nguyên lý Marketing <i>Principles of Marketing</i>	3	22	23	0	
25.	BSA2004	Quản trị học <i>Principles of Management Administration</i>	3	27	18	0	
26.	BSA2001	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	3	27	18	0	
27.	BSA2018	Tài chính doanh nghiệp <i>Corporate Finance</i>	3	25	20	0	BSA2001
28.	BSA3082	Phương pháp nghiên cứu kinh doanh <i>Business Research Methodology</i>	2	15	15	0	
IV.2	Tự chọn		3/12				
29.	BSA4018	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh <i>Corporate Culture and Business Ethics</i>	3	25	20	0	
30.	INE2020	Kinh tế quốc tế <i>International Economics</i>	3	32	13	0	INE1051
31.	FIB2001	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng (Money and Banking Economics)	3	27	18	0	INE1051
32.	BSA3063	Luật doanh nghiệp <i>Business Law</i>	3	20	20	5	
V.	Khởi kiến thức ngành		63				
V.1	Học phần Bắt buộc		18				
33.	FAA4001	Kế toán tài chính doanh nghiệp * <i>Corporate Financial</i>	4	42	18		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
		<i>Accounting</i>					
34.	FAA4002	Kế toán quản trị doanh nghiệp * <i>Corporate Management Accounting</i>	4	42	18	0	BSA2001
35.	FAA4003	Kiểm toán * <i>Auditing</i>	4	42	18	0	
36.	BSA2016	Phân tích hoạt động kinh doanh <i>Business Analysis</i>	3	22	23	0	BSA2001
37.	FAA4015	Tài chính và kế toán trong kinh doanh * <i>Business Finance and Accounting</i>	3	22	23	0	
V.2	Học phần tự chọn		30/84				
V.2.1	Học phần tự chọn theo chuyên ngành (<i>Sinh viên chọn theo từng nhóm V.2.1.1, V.2.1.2, V.2.1.3</i>)		18/18				
V.2.1.1	Chuyên ngành Kế toán		18/18				
38.	BSA3008	Kế toán thuế <i>Tax Accounting</i>	3	20	25	0	BSA2001
39.	FIB3119	Kế toán công <i>Accounting in public sector</i>	3	20	25	0	BSA2001
40.	FAA4011	Thực hành kế toán 1 <i>Accounting Practice 1</i>	3	15	30	0	BSA2001
41.	FAA4008	Kế toán các ngành đặc thù <i>Accounting in specialized sectors</i>	3	20	25	0	FAA4001
42.	FIB3037	Kế toán ngân hàng thương mại <i>Accounting in Commercial Banks</i>	3	20	25	0	BSA2001

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
43.	FAA4016	Thực hành kế toán 2 <i>Accounting Practice 2</i>	3	15	30	0	FAA4011
V.2.1.2	Chuyên ngành Kiểm toán		18/18				
44.	FIB3021	Kiểm toán tài chính <i>Financial Auditing</i>	3	30	15	0	FAA4003
45.	FAA4004	Kiểm toán nội bộ <i>Internal Auditing</i>	3	22	23	0	
46.	FIB3033	Thực hành kiểm toán tài chính <i>Financial Auditing Practice</i>	3	15	30	0	FAA4003
47.	FAA4018	Kế toán điều tra <i>Forensic Accounting</i>	3	27	18	0	
48.	FIB3050	Kiểm toán dự án <i>Project Audit</i>	3	20	25	0	FAA4003
49.	FAA4020	Kiểm soát nội bộ Intenal Control	3	25	20	0	
V.2.1.3	Chuyên ngành Phân tích kinh doanh		18/18				
50.	FAA4025	Mô hình kinh doanh* <i>Business Models</i>	3	30	15		FAA4015
51.	FAA4021	Phân tích doanh nghiệp <i>Enterprise Analytics</i>	3	15	30		
52.	FAA4022	Trực quan hóa và phân tích dữ liệu <i>Data - Visualization and Analytics</i>	3	30	15		
53.	FAA4026	Phân tích dữ liệu và quản trị dự án* <i>Project Analytics and Management</i>	3	35	10		FAA4015
54.	FAA4023	Phân tích dữ liệu trong kế toán <i>Business Analytics for Accounting</i>	3	20	25		BSA2001

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
55.	FAA4024	Khai thác dữ liệu doanh nghiệp <i>Data mining for business</i>	3	20	25		
V.2.2	Học phần tự chọn bổ trợ***		12/30				
56.	FAA4009	Luật Vương Quốc Anh * <i>Law of United Kingdom</i>	3	25	20		
57.	FAA4010	Thuế Vương Quốc Anh * <i>Principles of Taxation in United Kingdom</i>	3	25	20		
58.	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resources Management</i>	3	30	15		
59.	FAA4014	Kế toán môi trường <i>Environmental Accounting</i>	3	30	15		
60.	FIB3015	Phân tích tài chính <i>Financial Analysis</i>	3	24	21		BSA2018
61.	BSA3030	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu <i>Specialized Corporate Finance</i>	3	30	15		BSA2018
62.	FIB4058	Những vấn đề hiện tại của kế toán <i>Contemporary Issues in Accounting</i>	3	22	23		BSA2001
63.	FIB2015	Thuế <i>Tax</i>	3	30	15		INE1050
64.	FIB3009	Hệ thống thông tin kế toán <i>Accounting Information Systems</i>	3	27	18		BSA2001
65.	FAA4007	Quản lý hiệu quả hoạt động <i>Performance Management</i>	3	25	20		FAA4002
V.3.	Kiến tập, Thực tập thực tế và niên luận		9				
66.	FAA4049	Kiến tập <i>Fieldtrip</i>	2		30		
67.	FAA4052	Thực tập thực tế	4		60		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
		<i>Internship</i>					
68.	FAA4160	Niên luận (<i>Essay</i>)	3	20	25		
V.4.	<i>Khoá luận tốt nghiệp/ môn học thay thế khóa luận</i>		6/12				
	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>						
69.	FAA4050	Khoá luận tốt nghiệp (<i>Graduation Thesis</i>)	6	15	75		
	<i>Học phần thay thế khóa luận: 2 học phần tự chọn tổng 6 tín chỉ trong khối V.2</i>		6				
		Tổng	130				

Ghi chú:

- ✓ Các môn học bằng tiếng Anh được in đậm.
- ✓ Các môn học * là các môn học kết hợp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế CFAB (ICAEW), FLP (AICPA_CIMA)
- ✓ Các học phần tự chọn theo chuyên ngành (18 tín chỉ) được lựa chọn theo nhóm học phần, sinh viên có thể lựa chọn các học phần trong các chuyên ngành khác để làm học phần tự chọn bổ trợ.